

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 154/2021/DS – ST

Ngày: 19-5-2021

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Huyền Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Quang Cảnh

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thanh Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 393/2020/DSST ngày 20 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2021/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 244/2021/QĐST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (Có mặt)

Trụ sở: 54A Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo giấy ủy quyền số 3201/2020/GUQ – TGD12 ngày 18/6/2020:

1/ Ông Võ Minh Thuận, sinh năm 1983;

2/ Ông Nguyễn Văn Tuấn, sinh năm 1983;

Cùng địa chỉ: Tầng 23 Tòa nhà TNR, số 180 – 192 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Tp. HCM.

Bị đơn: Ông Lê Văn Thành, sinh năm 1970; (Vắng mặt)

Địa chỉ: 763/2/12 Trường Chinh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Tp. HCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/6/2020 của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (viết tắt là Ngân hàng) và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Võ Minh Thuận là người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 07/11/2014, ông Thành và Ngân hàng có ký kết Hợp đồng số 0006 – PVH/2014/HĐCV với số tiền vay là 70.000.000 đồng, thời hạn vay là 36 tháng, mục đích vay là bổ sung vốn kinh doanh, lãi suất vay là 2.67%/tháng theo dư nợ giảm dần (tương đương 1.59%/tháng theo dư nợ ban đầu), lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, phương thức trả nợ là vào ngày 07 hàng tháng.

Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên, Ngân hàng đã ký kết biên bản giao nhận hồ sơ vay vốn trong ngày 06/11/2014. Theo đó, chứng từ đảm bảo cho khoản vay là:

Tên/số sạp chợ/Kiot: Sạp số Đ2 tại chợ Hoàng Hoa Thám, Phường 13, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Chứng từ chứng minh quyền tài sản: Giấy sử dụng điểm bán hàng tạm số 185/GSD Sạp/HHT do BQL chợ Hoàng Hoa Thám cấp ngày 27/10/2014. Tuy nhiên, Ngân hàng xác định lại chứng từ bảo đảm này là không đủ pháp lý để bảo đảm cho khoản vay, nên Hợp đồng cho vay số 0006 – PVH/2014/HĐCV ngày 7/11/2014 là hợp đồng tín chấp. Ngân hàng không có yêu cầu gì đối với tài sản là “Sạp số Đ2 tại chợ Hoàng Hoa Thám, Phường 13, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh”

Ngày 07/11/2014, Ngân hàng đã giải ngân cho ông Lê Văn Thành theo Khế ước nhận nợ số 0006-PVH/2014/KUNN với số tiền là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng). Trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng, ông Thành đã thanh toán được 67.501.000 đồng (trong đó nợ gốc là 35.516.785 đồng và 31.984.215 đồng nợ lãi). Do ông Lê Văn Thành đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ gốc và lãi theo cam kết, thỏa thuận nên từ ngày 07/12/2016 Ngân hàng đã chuyển khoản vay của ông Thành sang nợ quá hạn

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Thành phải trả nợ với tổng số tiền tạm tính đến ngày 19/5/2021 là 111.724.044 đồng (bao gồm: 34.483.215 đồng nợ gốc, 54.473.473 đồng nợ lãi và 22.767.357 lãi phạt). Ông Thành còn có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 20/5/2021 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất được quy định tại Hợp đồng số 0006 – PVH/2014/HĐCV ngày 07/11/2014.

- Bị đơn – ông Lê Văn Thành đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Tòa án không lấy được lời khai cũng như không tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên tòa hôm nay,

- Đại diện nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.
- Bị đơn ông Lê Văn Thành vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Dương sự, Thư ký và Hội đồng xét xử đều tuân theo pháp luật tố tụng qui định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 68, Điều 69, khoản 2 Điều 97, Điều 171, Điều 173, 208 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Tuy nhiên Tòa án chưa thực hiện đúng về thời hạn đưa vụ án ra xét xử, thời gian giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, vi phạm này không ảnh hưởng đến tính khách quan toàn diện của vụ án nên kiến nghị khắc phục.

Về nội dung: Căn cứ vào Hợp đồng số 0006 – PVH/2014/HĐCV ngày 07/11/2014 được ký kết giữa Ngân hàng và ông Thành là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật. Ông Thành vi phạm nghĩa vụ thanh toán được các bên thỏa thuận trong hợp đồng là gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Do đó yêu cầu của Ngân hàng là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí tính theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định vụ án trên là tranh chấp về hợp đồng tín dụng. Do bị đơn ông Lê Văn Thành cư trú tại quận Tân Phú nên Tòa án nhân dân quận Tân Phú thụ lý giải quyết là phù hợp theo quy định tại các khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thủ tục xét xử vắng mặt: Bị đơn ông Lê Văn Thành đã được Tòa án nhân dân quận Tân Phú tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập theo khoản 1, khoản 2 Điều 177; khoản 2 Điều 220; khoản 3 Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nhưng ông Thành vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân quận Tân Phú vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Thành.

[2] Về nội dung:

- Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu ông Lê Văn Thành thanh toán số nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 19/5/2021 là 111.724.044 đồng (bao gồm: 34.483.215

đồng nợ gốc, 54.473.473 đồng nợ lãi và 22.767.357 lãi phạt) của Hợp đồng số 0006 – PVH/2014/HĐCV ngày 07/11/2014 Hội đồng xét xử nhận thấy :

Căn cứ vào Hợp đồng số 0006 – PVH/2014/HĐCV ngày 07/11/2014 và lời khai của đại diện nguyên đơn thì giữa Ngân hàng và ông Thành đã giao kết hợp đồng vay tài sản, Ngân hàng đồng ý giải ngân cho ông Thành với hạn mức số tiền là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng). Trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng, ông Thành đã thanh toán được 67.501.000 đồng (trong đó nợ gốc là 35.516.785 đồng và 31.984.215 đồng nợ lãi). Do ông Lê Văn Thành đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ gốc và lãi theo cam kết, thoả thuận nên từ ngày 07/12/2016 Ngân hàng đã chuyển khoản vay của ông Thành sang nợ quá hạn

Căn cứ theo các điều khoản ký kết trong Hợp đồng số 0006 – PVH/2014/HĐCV ngày 07/11/2014 thì ông Thành đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Thành phải trả nợ với tổng số tiền tạm tính đến ngày 19/5/2021 là 111.724.044 đồng (bao gồm: 34.483.215 đồng nợ gốc, 54.473.473 đồng nợ lãi và 22.767.357 lãi phạt). Ông Thành còn có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 20/5/2021 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất được quy định tại Hợp đồng là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”* nên có căn cứ chấp nhận.

- Xét “chứng từ đảm bảo cho khoản vay” trong hồ sơ vay vốn là “Giấy sử dụng điểm bán hàng tạm” của Sạp số Đ2 tại chợ Hoàng Hoa Thám, Phường 13, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Chứng từ chứng minh quyền tài sản: Giấy sử dụng điểm bán hàng tạm số 185/GSD Sạp/HHT do BQL chợ Hoàng Hoa Thám cấp ngày 27/10/2014. Ngân hàng xác định chứng từ bảo đảm này là không đủ pháp lý để bảo đảm cho khoản vay, nên xác nhận Hợp đồng cho vay số 0006 – PVH/2014/HĐCV ngày 7/11/2014 là hợp đồng tín chấp. Ngân hàng không có yêu cầu gì đối với tài sản là “Sạp số Đ2 tại chợ Hoàng Hoa Thám, Phường 13, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh”. Xét đây là ý chí tự nguyện của Ngân hàng và không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của Ngân hàng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Thành đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không gửi văn bản để trình bày ý kiến và cũng không đến Tòa nên không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

- Xét về mức lãi suất, phí và các chi phí khác Ngân hàng yêu cầu bị đơn phải chịu, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên có thỏa thuận lãi suất, ông Thành vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ông Thành phải trả lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ. Căn cứ Điều 357, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; điểm b khoản

2 Điều 8, điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; và điểm b khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước thì yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận.

- Về thời hạn và phương thức thanh toán: Xét thấy, do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được qui định trong hợp đồng tín dụng nên nguyên đơn yêu cầu trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở để chấp nhận. Kể từ ngày 20/5/2021 ông Thành còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận trong Hợp đồng số 0006 – PVH/2014/HĐCV ngày 07/11/2014 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Lê Văn Thành phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số nợ phải thanh toán là 5.586.202 đồng.

Hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là 2.402.487 đồng cho Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466 Điều 468 Bộ Luật Dân Sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam.

Buộc ông Lê Văn Thành có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam số nợ của Hợp đồng số 0006 – PVH/2014/HĐCV ngày 07/11/2014 là 111.724.044 đồng (bao gồm: 34.483.215 đồng nợ gốc, 54.473.473 đồng nợ lãi và 22.767.357 lãi phạt).

Thời hạn thanh toán: Một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 20/5/2021, ông Thành còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng

số 0006 – PVH/2014/HĐCV ngày 07/11/2014 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam với ông Lê Văn Thành cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Văn Thành phải chịu án phí là 5.586.202 đồng (năm triệu năm trăm tám mươi sáu nghìn hai trăm lẻ hai) đồng.

Hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là 2.402.487 (hai triệu bốn trăm lẻ hai nghìn bốn trăm tám mươi bảy) đồng cho Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0071323 ngày 16/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo:

Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam, ông Lê Văn Thành được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q. Tân Phú;
- Chi cục THADS Q. Tân Phú;
- Lưu VP, hồ sơ (Thanh Hằng)/.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Phùng Thị Huyền Minh